
LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, cùng với sự đổi mới cơ chế quản lý, các doanh nghiệp ngày càng cạnh tranh gay gắt với nhau để tạo được chỗ đứng trên thị trường. Trước tình hình đó thì hiệu quả kinh doanh là vấn đề sống còn của mỗi doanh nghiệp. Các nhà quản lý doanh nghiệp phải liên tục, thường xuyên quy định những công việc phải làm, làm như thế nào và làm bằng cách gì để đạt được hiệu quả cao nhất. Điều đó chỉ thực hiện được thông qua và dựa trên những thông tin do kế toán thu thập, xử lý và cung cấp. Chỉ có như vậy thì các nhà doanh nghiệp mới có đủ thông tin, cơ sở cần thiết để nhận thức đúng đắn, khách quan, kịp thời và có hệ thống các hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó có những lựa chọn, định hướng và những quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác những thông tin của kế toán không những cần thiết cho các nhà quản lý doanh nghiệp mà còn giúp cho những người ở bên ngoài doanh nghiệp như cổ đông, ngân hàng, khách hàng... có cơ sở nhận xét đánh giá một cách đầy đủ, chính xác về tình hình tài chính, phương thức hoạt động để có những lựa chọn các phương án đầu tư thích hợp và việc liên doanh hợp tác tìm bạn hàng.

Một trong những bộ phận quan trọng trong công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp là công tác hạch toán các loại vốn bằng tiền. Công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền cung cấp đầy đủ các thông tin cho doanh nghiệp, cho nhà quản lý về tình hình tài chính của doanh nghiệp để có những phương án hợp lý trong việc sử dụng vốn, thanh toán kịp thời các khoản nợ phải thu, nợ phải trả giúp cho doanh nghiệp sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất. Trong thực tế chúng ta không chỉ sử dụng vốn mà điều quan trọng là phải bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn có hiệu quả.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán vốn bằng tiền, trong thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp em đã chọn đề tài

"Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp" đề tài khoá luận của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận bài khoá luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp

Trong thời gian thực hiện bài khoá luận em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của Giáo viên hướng dẫn - Thạc sỹ Phạm Văn Tường và cán bộ kế toán tại công ty. Tuy nhiên do trình độ bản thân còn hạn chế nên bài khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong sự góp ý, chỉ bảo từ các thầy cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

Sinh viên

Phạm Thị Lợi

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Doanh nghiệp

1.1. Một số vấn đề chung

1.1.1. Khái niệm, nội dung kế toán vốn bằng tiền

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua mỗi giai đoạn vận động vốn không ngừng biến đổi cả về hình thái biểu hiện lẫn quy mô.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh, trong quá trình đó luôn có một bộ phận dừng lại ở trạng thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán, tồn tại trực tiếp dưới hình thái tiền tệ. Vốn bằng tiền nằm đầu tiên trong hệ thống tài khoản (nhóm tài khoản 11) do tính linh hoạt cao và khả năng thanh toán tức thời của nó. Vốn bằng tiền bao gồm bao gồm:

- Tiền mặt (TK111).
- Tiền gửi Ngân hàng (TK112).
- Tiền đang chuyển (TK113).

1.1.2. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.

1.1.4. Vai trò của công tác kế toán vốn bằng tiền

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục do sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.5. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

+ Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK 1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

+ Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ (theo dõi ở TK 007). Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất của từng thứ từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán), khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho. Vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở

các tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng bạc.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt thì tiền mặt của doanh nghiệp phải được tập trung tại quỹ, mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay. Trong trường hợp cần thiết thì phải làm thủ tục ủy quyền cho người làm thay và phải được sự đồng ý của Giám đốc.

Thủ quỹ phải thường xuyên kiểm tra quỹ đảm bảo tiền mặt tồn quỹ phải phù hợp với số dư trên sổ quỹ. Hàng ngày sau khi thu, chi tiền thủ quỹ phải ghi vào sổ quỹ cuối ngày, phải lập báo cáo quỹ, nộp cho kế toán.

Hàng ngày, sau khi nhận được báo cáo quỹ kèm theo các chứng từ gốc do thủ quỹ gửi đến, kế toán quỹ phải đối chiếu, kiểm tra số liệu đã ghi trên sổ quỹ. Sau khi kiểm tra xong sổ quỹ, kế toán định khoản và ghi vào sổ tổng hợp tài khoản quỹ tiền mặt.

Như vậy, tiền mặt tại quỹ là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ, kết của doanh nghiệp bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc đá quý, kim khí quý.

1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt

Kế toán tiền mặt cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng

(không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

- Mỗi doanh nghiệp thường xuyên có một lượng tiền mặt nhất định nằm trong quỹ theo định mức phục vụ cho nhu cầu chi tiêu thường xuyên của doanh nghiệp, số tiền còn lại phải gửi vào kho bạc, ngân hàng hay công ty tài chính.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

- Cuối ngày, căn cứ vào chứng từ thu chi ghi vào sổ quỹ tiền mặt (thủ quỹ ghi), lập báo cáo quỹ cùng chứng từ gốc gửi cho kế toán, phải kiểm kê số tồn quỹ thực tế đối chiếu với sổ kế toán nếu có sai lệch phải cùng kế toán tìm nguyên nhân.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong hạch toán tiền mặt

** Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí, đá quý (Mẫu số 07 - TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VND) (Mẫu số 08a - TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí đá quý) (Mẫu số 08b - TT)
- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 - TT)
- Sổ quỹ tiền mặt
- Các sổ kế toán tổng hợp (tuỳ theo hình thức kế toán)

Phiếu thu, phiếu chi được kế toán lập từ 2 đến 3 liên đặt giấy than viết một lần, sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chuyên cho kế toán trưởng duyệt (và cả thủ trưởng đơn vị - đối với phiếu chi), sau đó chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập xuất quỹ. Thủ quỹ giữ lại một liên để ghi sổ, một liên giao cho người nộp tiền (hoặc người nhận tiền), một liên lưu tại nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu, phiếu chi được thủ quỹ chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

** Tài khoản sử dụng:*

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ, kế toán sử dụng TK 111 - Tiền mặt. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý của doanh nghiệp.

Kết cấu TK 111 như sau:

Bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Bên Có :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Số dư bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn ở quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 gồm có 3 tài khoản cấp hai :

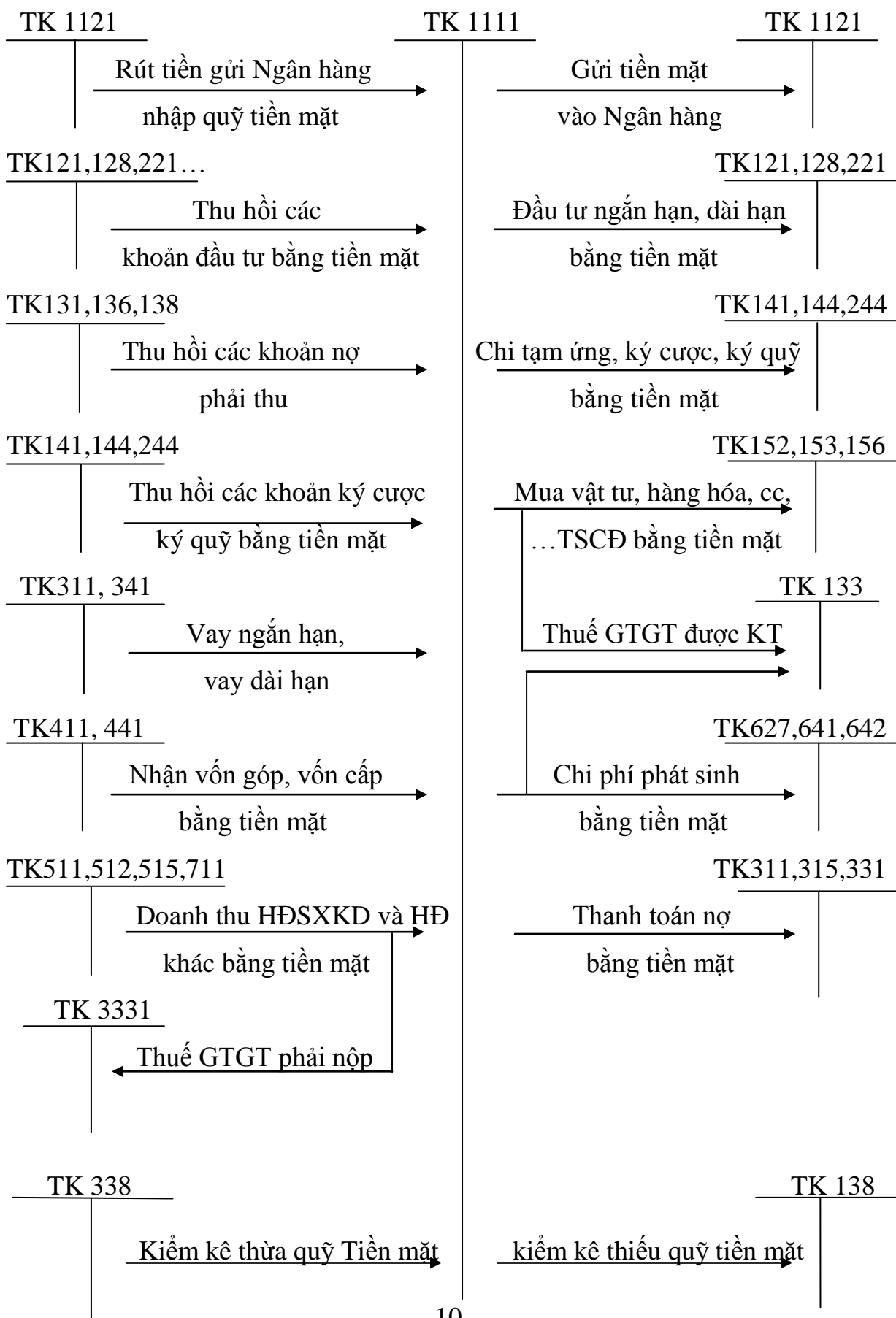
- TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- TK 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ, quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.
- TK 1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập xuất quỹ, tồn quỹ.

1.2.3. Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.3.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền VND



1.2.3.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ

Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi ngoại tệ trên tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413.

* Kết cấu tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại

- Bên Nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ.

- Bên Có : Ngoại tệ giảm trong kỳ.

- Dư Nợ : Ngoại tệ hiện có.

* Kết cấu tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Bên Nợ :

- Chênh lệch tỷ giá giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

- Chênh lệch tỷ giá tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Bên Có :

- Chênh lệch tỷ giá tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

- Chênh lệch tỷ giá giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

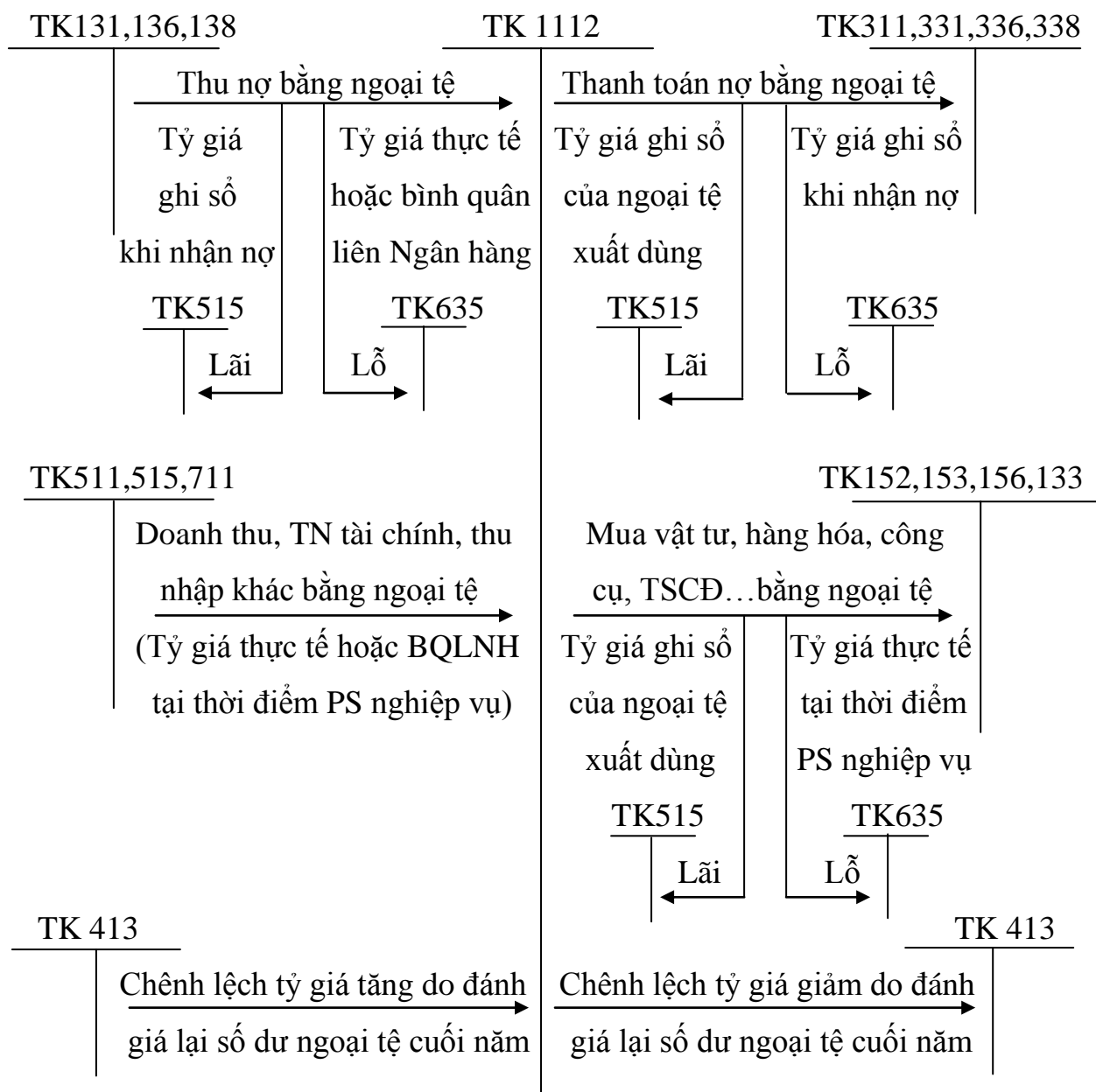
- Dư Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

- Dư Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

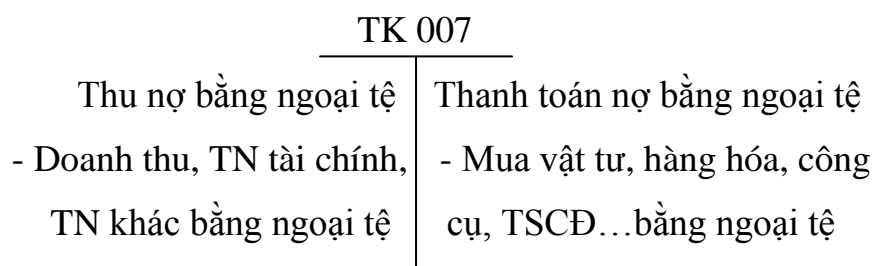
Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái chỉ được xử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

* Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.



1.2.3.3. Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá như: phương pháp bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước hay thực tế đích danh

1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như séc bảo chi, séc định mức, séc chuyên tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

Như vậy, tiền gửi ngân hàng là số vốn bằng tiền của doanh nghiệp gửi tại các ngân hàng, công ty tài chính hay các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc đá quý, kim khí quý.

1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng

Kế toán tiền gửi Ngân hàng cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản Ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá

số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc được ghi vào bên Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi từ Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”

1.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong hạch toán tiền gửi ngân hàng

**** Chứng từ sử dụng***

- Giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng.
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyên khoản, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu...)

Kế toán chịu trách nhiệm mở sổ chi tiết để theo dõi từng loại tiền gửi: Việt Nam đồng, ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và chi tiết theo từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi kế toán sử dụng TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng. Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các Ngân hàng và các công ty tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính hiện còn cuối kỳ

Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 1121 - Tiền Việt Nam

- TK 1122 - Ngoại tệ

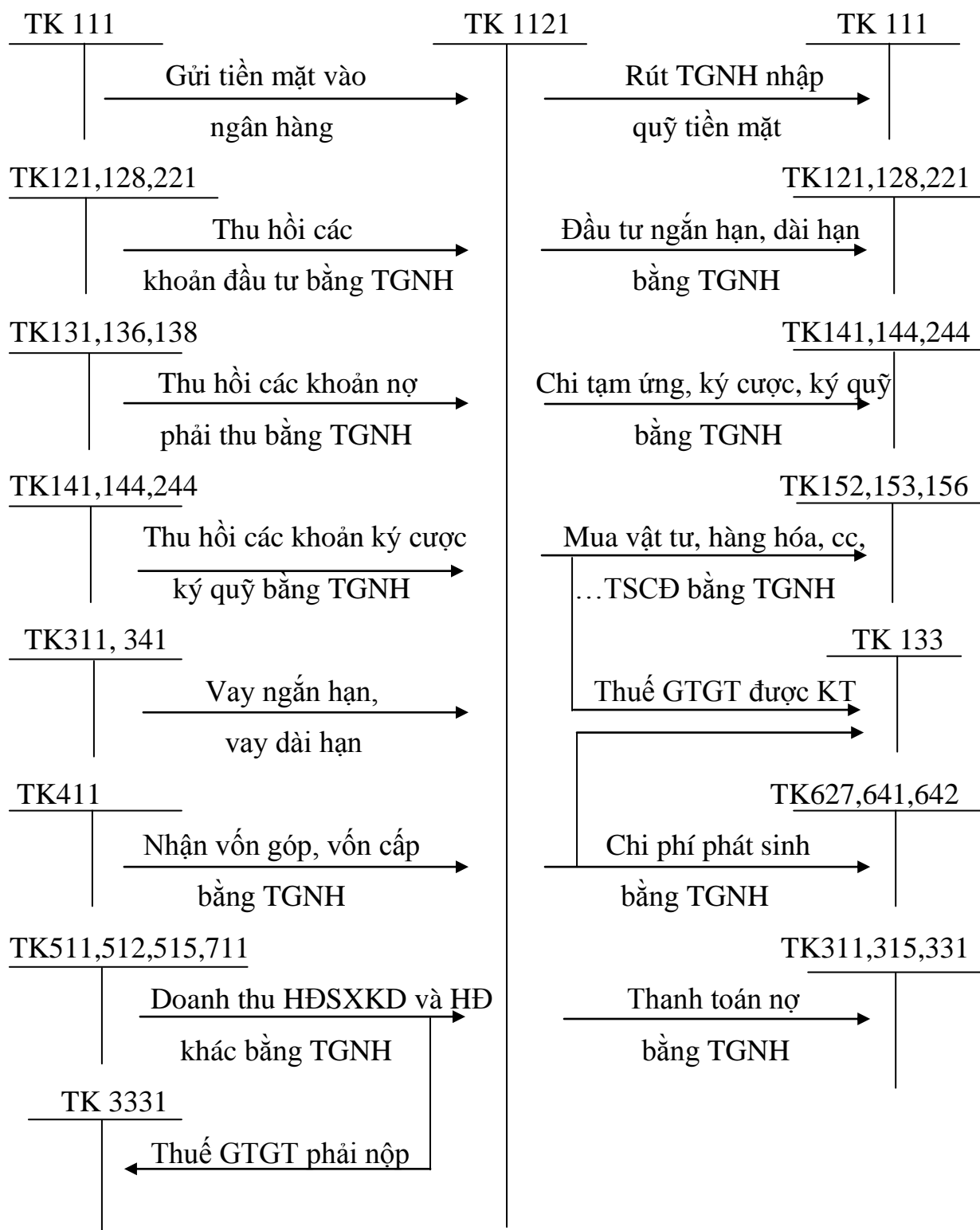
- TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

1.3.3. Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng

1.3.3.1. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam

Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền VND

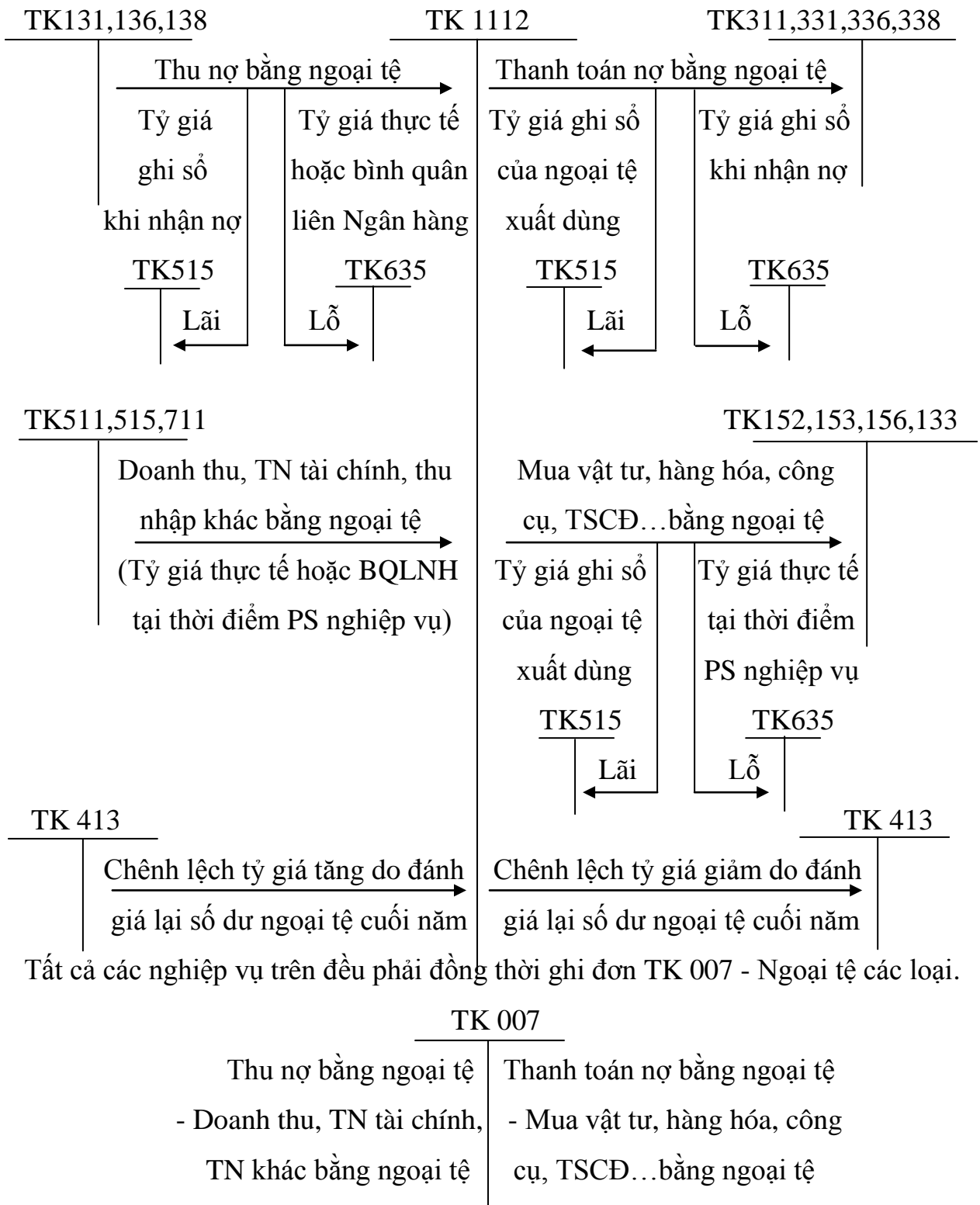


1.3.3.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ

Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ



1.4. Kế toán tiền đang chuyển

1.4.1. Khái niệm

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

1.4.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng TK 113 “Tiền đang chuyển”. Tài khoản 113 dùng để phản ánh tình hình và sự biến động tiền đang chuyển của doanh nghiệp. Nội dung ghi chép của TK 113 như sau:

- Bên Nợ: Các khoản tiền đang chuyển tăng trong kỳ.
- Bên Có: Các khoản tiền đang chuyển giảm trong kỳ.
- Số dư bên Nợ: Các khoản tiền còn đang chuyển đến cuối kỳ.

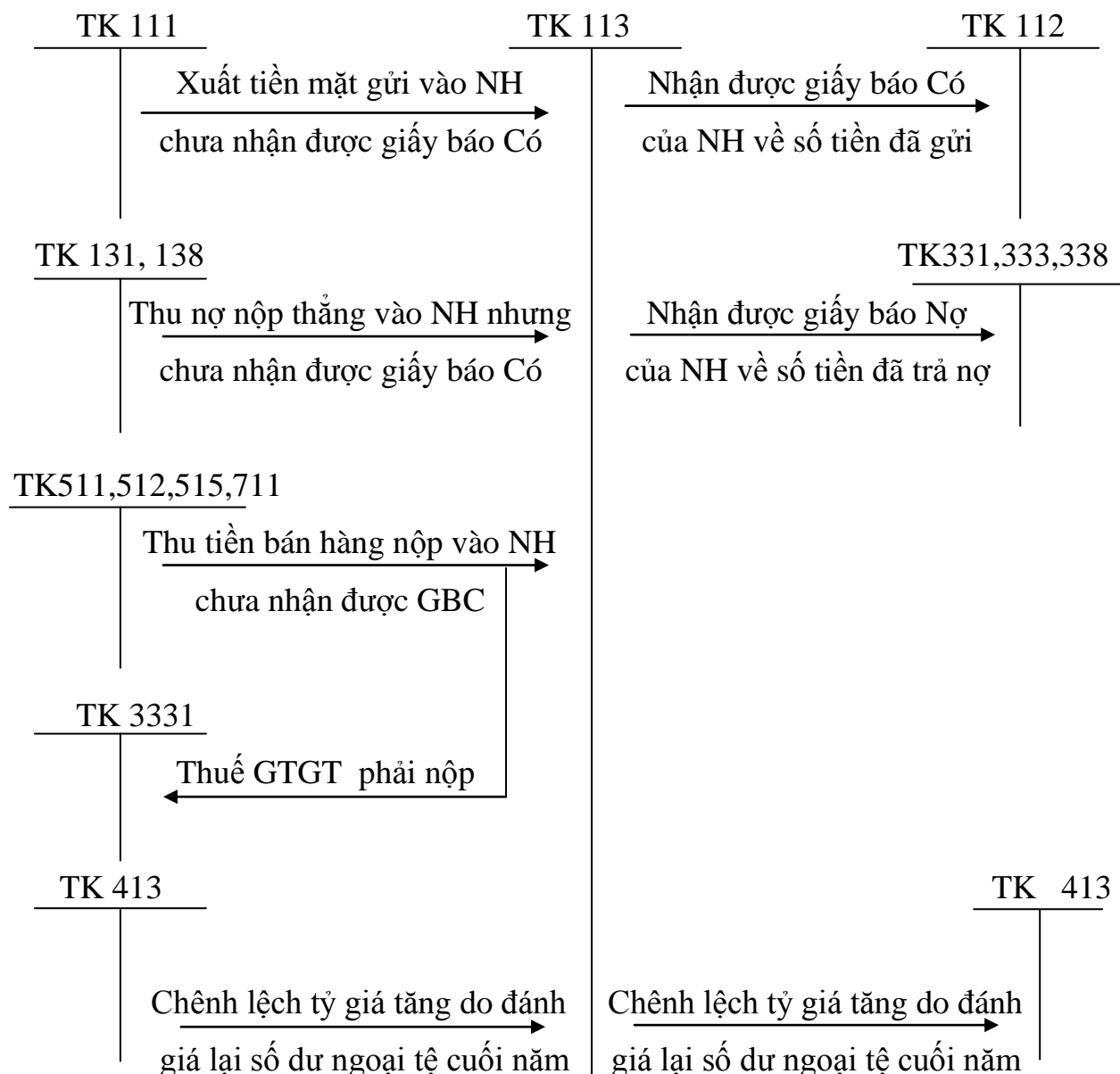
TK 113 được chi tiết thành 2 tài khoản cấp hai:

- TK 1131: Tiền Việt Nam.
- TK 1132: Ngoại tệ.

1.4.3. Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển



1.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền

Hình thức ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức ghi sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.

- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức ghi sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Nhật ký chung, Nhật ký - sổ cái, Nhật ký chứng từ, và kế toán máy.

1.5.1. Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ

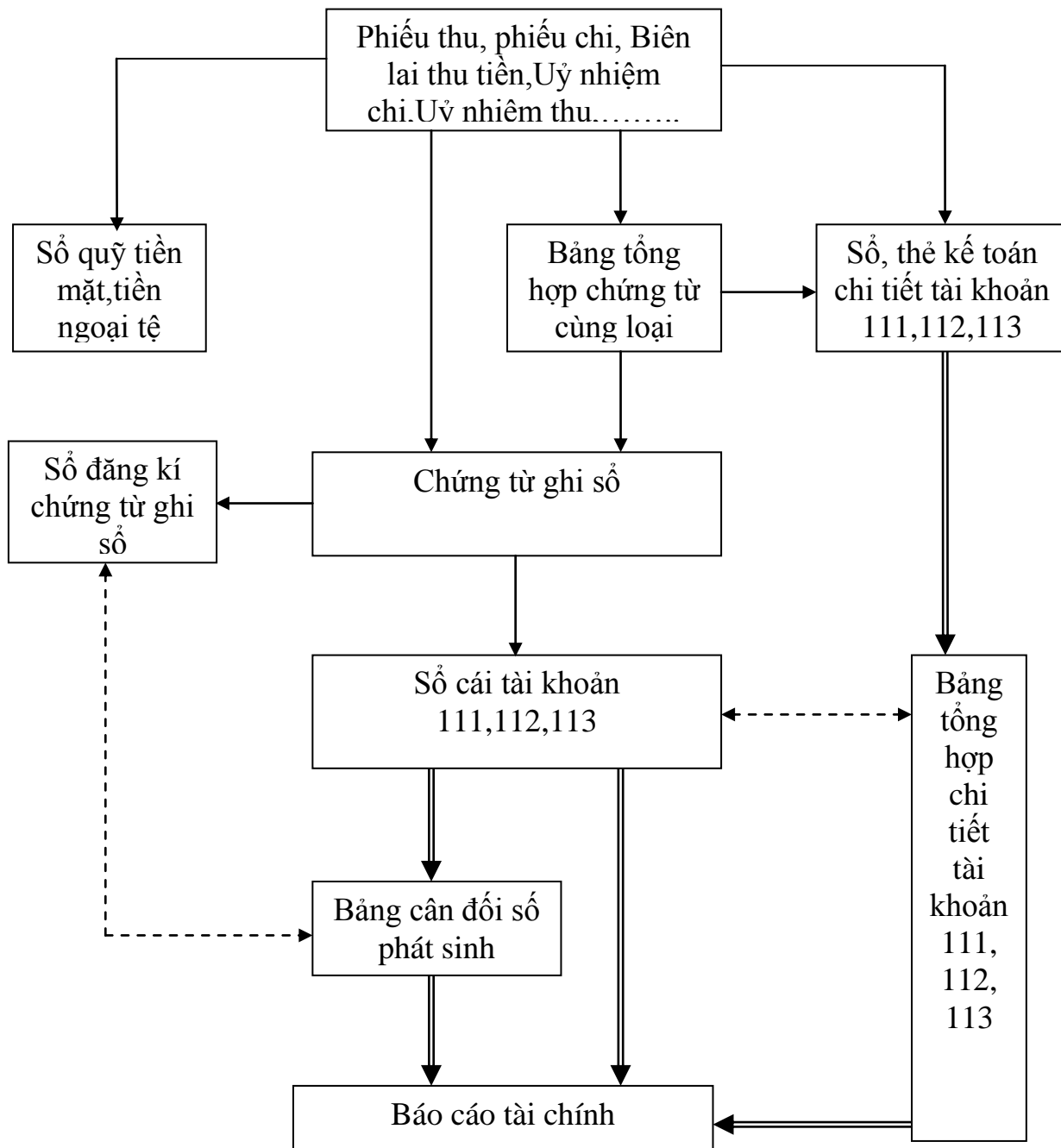
Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ thường được áp dụng trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, dễ áp dụng kế toán máy.

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



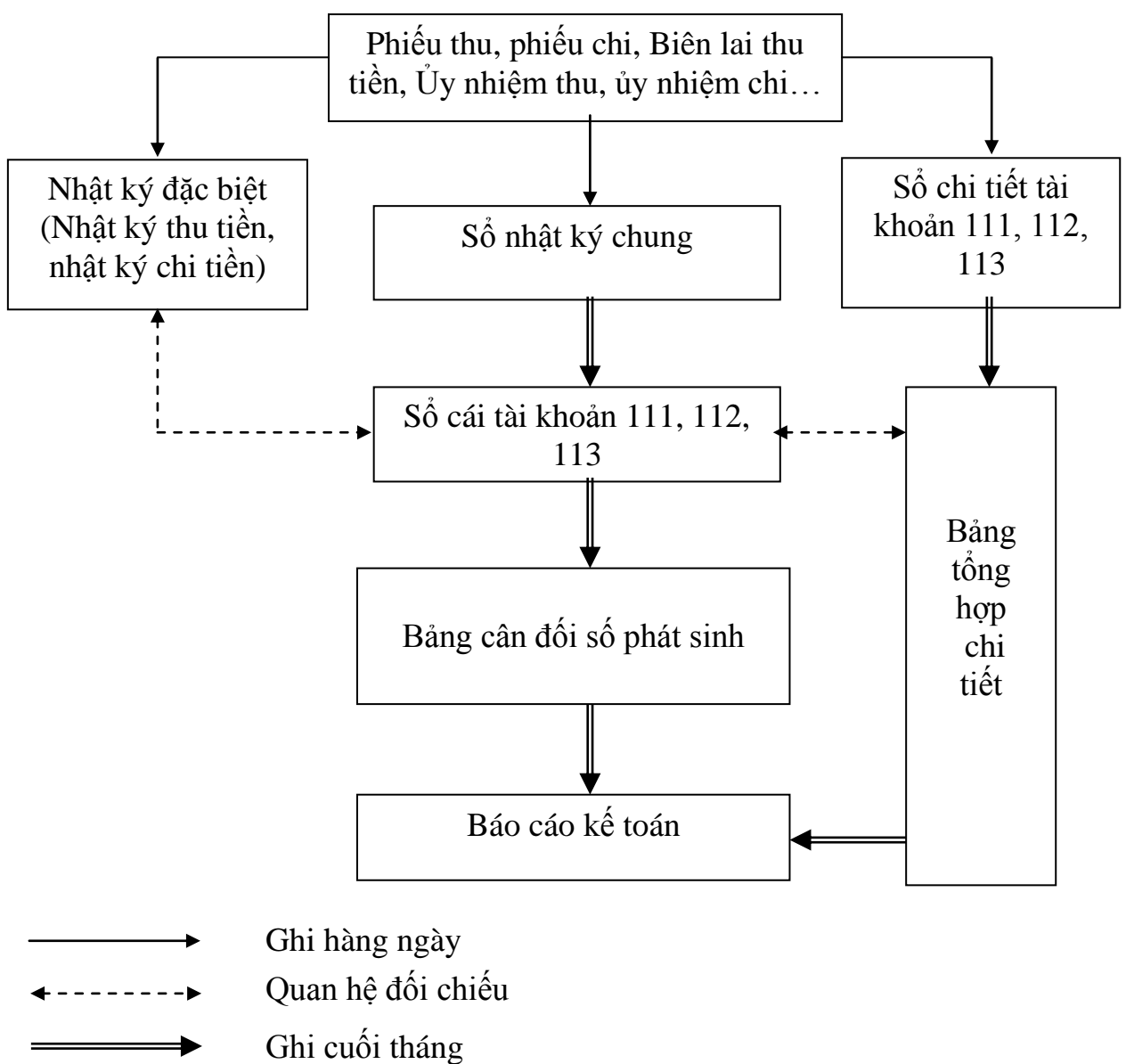
- > Ghi hàng ngày
- ←-----> Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

1.5.2. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung dễ áp dụng kế toán máy.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

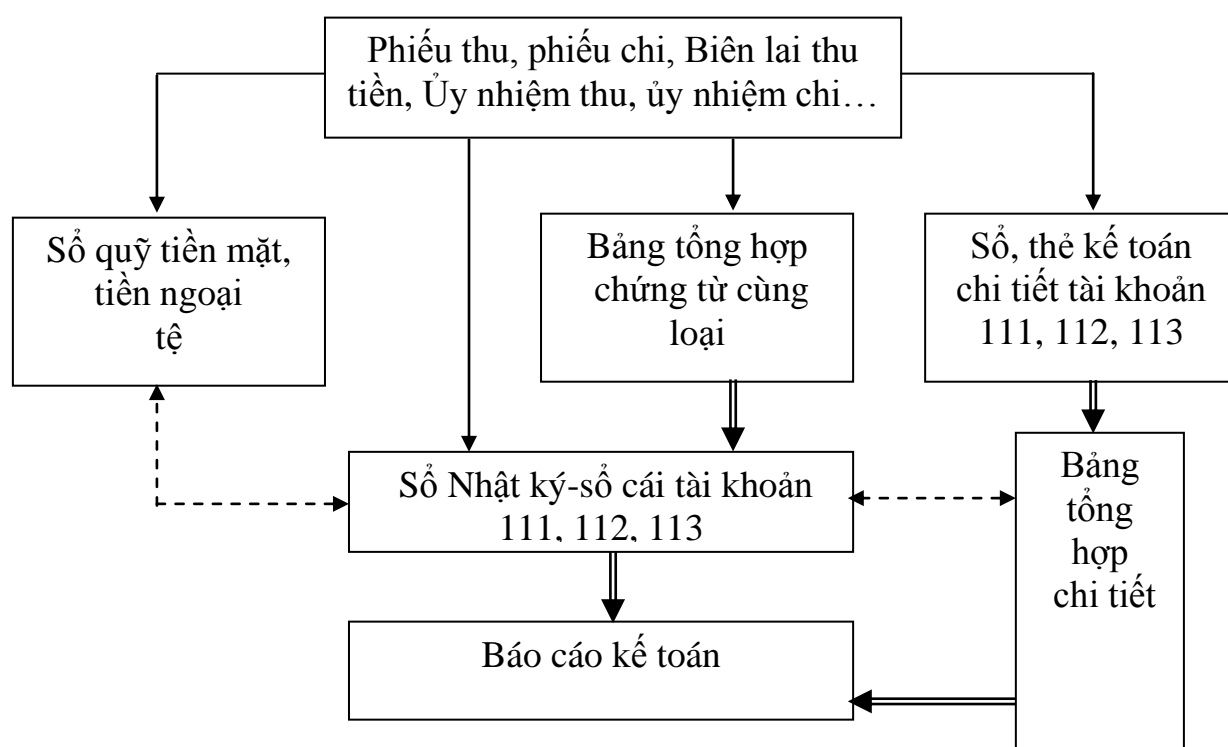


1.5.3. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức sổ kế toán nhật ký sổ cái thường áp dụng trong doanh nghiệp có quy mô nhỏ (vốn dưới 1 tỷ) và sử dụng ít tài khoản kế toán, kế toán chủ yếu làm thủ công.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái



- > Ghi hàng ngày
- ←-----> Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

1.5.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ

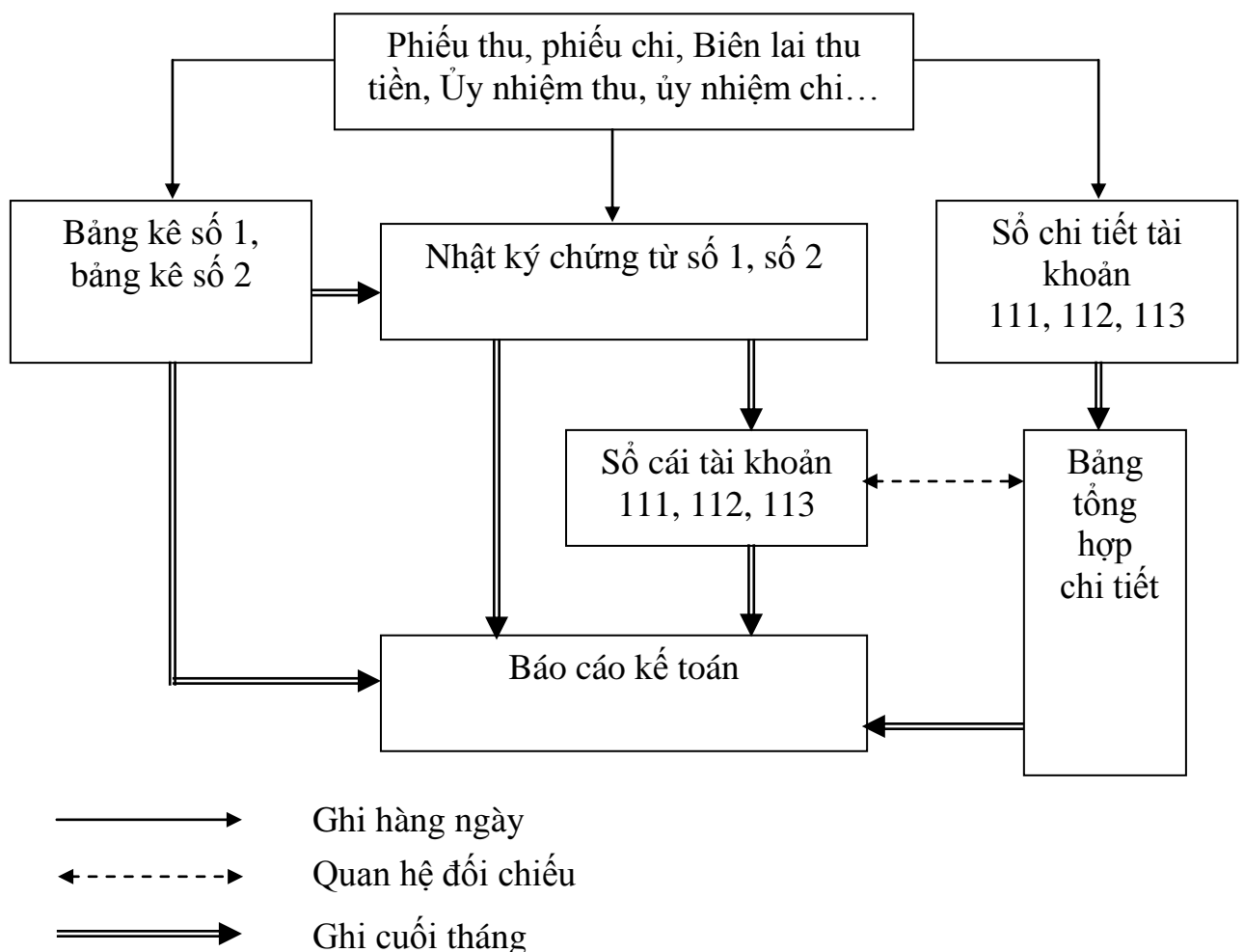
Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

- Kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ có mẫu sổ rắc rối, cách thức ghi sổ phức tạp, khó để áp dụng kế toán máy.

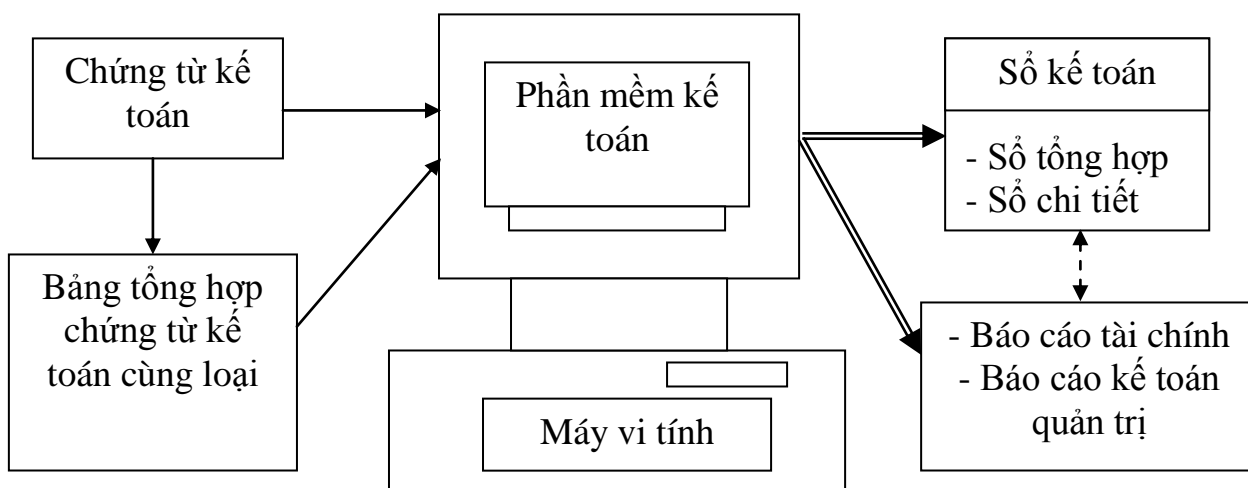
Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



1.5.5. Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



- > Nhập số liệu hàng ngày
- <-----> Đối chiếu, kiểm tra
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH thương mại và Xây dựng Đại Hợp

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển:

Với yêu cầu trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ mà nền kinh tế hội nhập đang có sự phát triển như vũ bão, việc khuyến khích đa dạng các ngành nghề kinh doanh đáp ứng nhu cầu tại địa phương và các tỉnh thành trong cả nước là chủ trương của Đảng và nhà nước ta.

Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng kí kinh doanh lần đầu số 0202000128 ngày 30/10/2000 , giấy chứng nhận Đăng Kí thay đổi lần 3 ngày 18/3/2008 của sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng.

Công ty là một đơn vị kinh tế hạch toán độc lập , có tư cách pháp nhân hoạt động kinh doanh theo điều lệ của công ty TNHH có 2 thành viên trở lên phù hợp với quy định của luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tên công ty : Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp
- Tên giao dịch tiếng anh : DAIHOP Trading and construction CO.,LTD
- Địa chỉ trụ sở chính : số 137 An Đà, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.
- Tel : 0313.8528580 – Fax : 0313.65338
- Email : ctytnhhdaihop@gmail.com
- Vốn điều lệ : 3000.000.000 đồng

Từ khi thành lập đến nay công ty luôn cố gắng bảo toàn và phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của mình một cách hợp lý. Là một công ty mới hình thành vì vậy còn gặp nhiều khó khăn trong công việc nhất là về vấn đề tài chính, đội ngũ cán bộ công nhân viên còn non trẻ, hạn chế cả về kinh nghiệm

lẫn thực tế. Tuy nhiên nhờ vào sự lãnh đạo sáng suốt của Giám đốc công ty cùng với sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình, ham học hỏi của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như người lao động trong công ty mà tình hình của công ty luôn được cải thiện.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh:

Theo giấy phép Đăng ký kinh doanh số 0202000128, công ty được phép kinh doanh những ngành nghề sau:

- Kinh Doanh và dịch vụ thương mại
- Kinh doanh vật liệu điện ,vật liệu xây dựng.
- Vận tải hàng hóa thủy – bộ
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

2.1.3. Thuận lợi, khó khăn và thành tích đạt được:

Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp là một công ty được thành lập với đội ngũ trẻ rất năng động và nhiệt tình, có năng lực, được đào tạo cơ bản, thường xuyên có các sáng kiến đóng góp trong hoạt động kinh doanh...Họ thực sự đã góp một phần quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp trong những năm qua.

Trước mắt cũng như lâu dài công ty đã có những điều kiện thuận lợi nhất định, đảm bảo cho sự phát triển về các hoạt động kinh doanh, tạo các mối quan hệ tốt với các bạn hàng và khẳng định vị thế của mình trên thương trường.

Trụ sở chính của công ty ở nơi khá thuận lợi cho việc giao dịch và kinh doanh, trao đổi thông tin về kinh tế thị trường, điều đó giúp cho công ty chủ động lựa chọn phương án kinh doanh, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường trong mọi tình huống.

Đi cùng với thuận lợi là những khó khăn đòi hỏi tập thể công ty tìm cách khắc phục để duy trì sự phát triển của công ty.

Là một doanh nghiệp ngoài quốc doanh mới thành lập nên nguồn vốn công ty còn hạn hẹp. Đây là một khó khăn chủ yếu của các doanh nghiệp hiện nay.

Được thành lập và đi vào hoạt động trong nền kinh tế thị trường mở nên công ty phải đương đầu nhiều hơn với những thử thách từ thị trường, từ các bạn hàng trong nước, từ các công ty cạnh tranh...

Hiện tại lực lượng lao động của công ty còn ít, năng lực trình độ của cán bộ công nhân viên còn nhiều hạn chế.

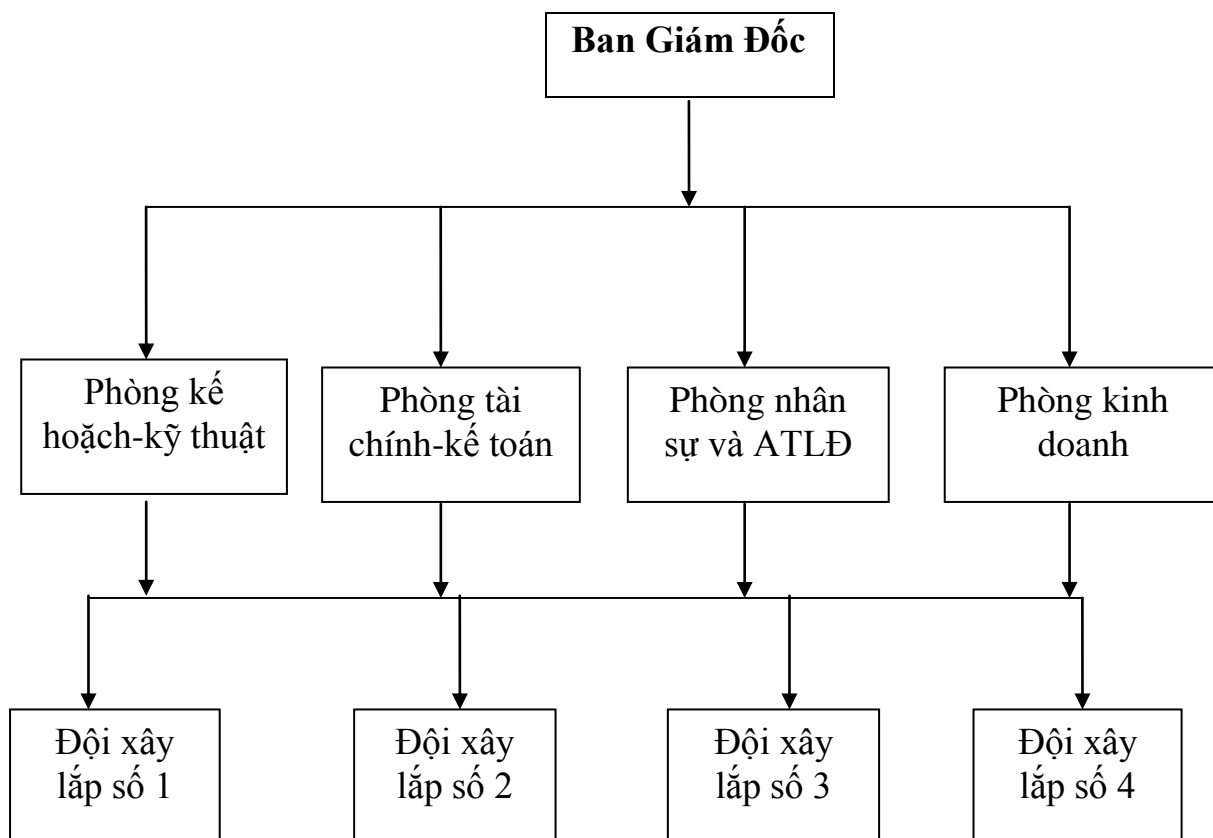
Uy tín của công ty trong việc kinh doanh những ngành hàng trên chưa cao, vì thế mà công ty sẽ phải khó khăn hơn nhiều trong việc tạo lập uy tín của mình trên thị trường .

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý:

Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp được tổ chức hoạt động và điều hành theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn ,tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Cụ thể mô hình tổ chức của công ty như sau:

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của công ty



* Chức năng các vị trí, phòng ban trong công ty:

-Giám đốc : là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch có trách nhiệm và quyền hạn tổ chức quản lý điều hành chung, hoạch định và tổ chức thực hiện mọi hoạt động kinh doanh, đời sống công nhân viên trong công ty theo điều lệ của Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp, và theo Luật doanh nghiệp.

-Phòng kế hoạch- kĩ thuật :tham mưu cho giám đốc về những kế hoạch, chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật trong công ty.

-Phòng tài chính- kế toán: tham mưu cho giám đốc thực hiện công tác tài chính kế toán, các chế độ báo cáo theo quy định thống kê ,kiểm tra các chế độ hạch toán, quản lý kinh tế vật tư tiền vốn đảm bảo sử dụng chúng một cách đạt hiệu quả kinh tế cao.

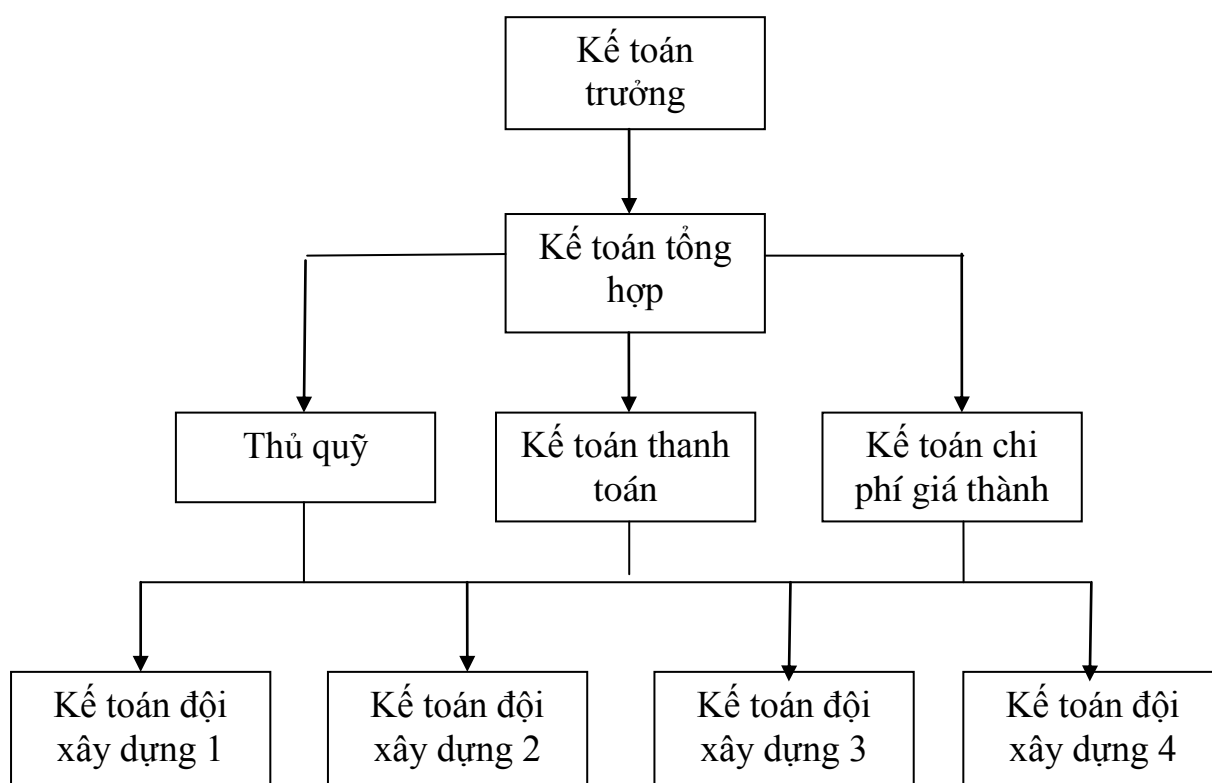
-Phòng nhân sự và ATLĐ :chịu trách nhiệm về công tác tổ chức tuyển chọn, biên chế ,sắp xếp sử dụng nhân lực :công tác đào tạo nâng bậc cho CBCNV ,chăm sóc khám chữa bệnh....

-Phòng kinh doanh : nghiên cứu thị trường, tìm kiếm bạn hàng kinh doanh. Tổ chức kế hoạch ,chiến lược kinh doanh. Phòng kinh doanh sẽ quản lý các bộ phận kinh doanh.

-Đội xây lắp : trực tiếp thi công theo chỉ đạo.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán:

Sơ đồ 2.2 : Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty



-Kế toán trưởng : chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán,kiểm tra giám sát toàn bộ KT-TC của công ty tham vấn cho giám đốc để đưa ra các quyết định hợp lý.Cuối kỳ kế toán trưởng tập hợp số liệu lập các BCTC và đánh giá kết quả.

-Thủ quỹ : kiểm tra,quản lý tiền gửi Ngân hàng và tiền mặt

-Kế toán thanh toán : theo dõi các khoản thu – chi bằng tiền của doanh nghiệp,khóa sổ kế toán tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ.Kiểm tra chứng từ đầu vào , thanh toán với người bán ,người tạm ứng.

-Kế toán chi phí-giá thành : theo dõi,tập hợp chi phí phát sinh.

-Kế toán công trường : theo dõi,ghi chép ở công trường.

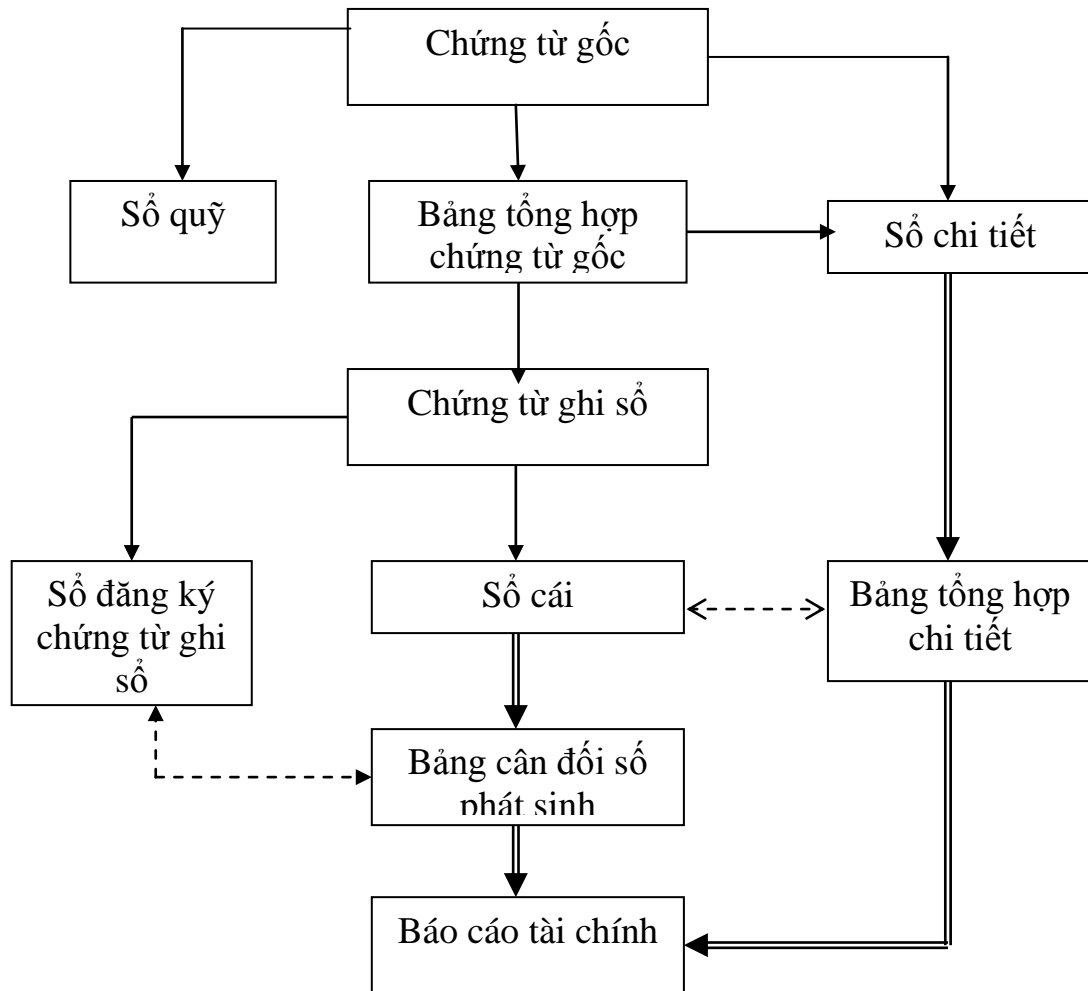
Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung. Công ty chỉ tổ chức một phòng kế toán ở văn phòng công ty và mọi việc kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán của công ty. Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.6. Hình thức kế toán áp dụng:

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã áp dụng hình thức kế toán “ Chứng từ ghi sổ”.

Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ của công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty TNHH thương mại Và xây dựng Đại Hợp



- > Ghi hàng ngày
- ←- - - - -> Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

2.2. Thực tế tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp:

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi Ngân hàng và tiền đang chuyển. Trong các báo cáo vốn bằng tiền, công ty sử dụng thống nhất một đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam để phục vụ cho việc ghi chép. Trường hợp phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi chép kế toán.

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại công ty:

Tiền mặt là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ dùng để phục vụ cho việc chi tiêu hàng ngày cũng như thuận tiện cho việc thanh toán các khoản phải trả của công ty. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt tại công ty đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện, thủ quỹ không được nhờ người làm thay mình, không được kiêm nhiệm công tác kế toán, mua bán vật tư hàng hoá.

2.2.1.1. Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán:

** Các chứng từ sử dụng:*

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)

Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành quyển và được đánh số từng quyển theo thứ tự từ trang 1 đến trang n trong một năm. Số phiếu thu, phiếu chi cũng được đánh thứ tự từ số 1 đến số n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác.

Khi phát sinh nghiệp vụ về tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên ghi đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký người thu, người nhận, người cho phép nhập, xuất quỹ, sau đó chuyển

cho kế toán trưởng duyệt (riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị). Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu thu, phiếu chi, thủ quỹ giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc người nhận) tiền, cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Phiếu chi được kèm với hóa đơn GTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

Phiếu thu được kèm với hóa đơn GTGT (Liên 3: Nội bộ)

** Tài khoản sử dụng:*

Để hạch toán tiền mặt kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt” (chi tiết TK 1111-Tiền Việt Nam). Tài khoản này dùng để phản ánh quá trình thu chi tiền quỹ tiền mặt của công ty.

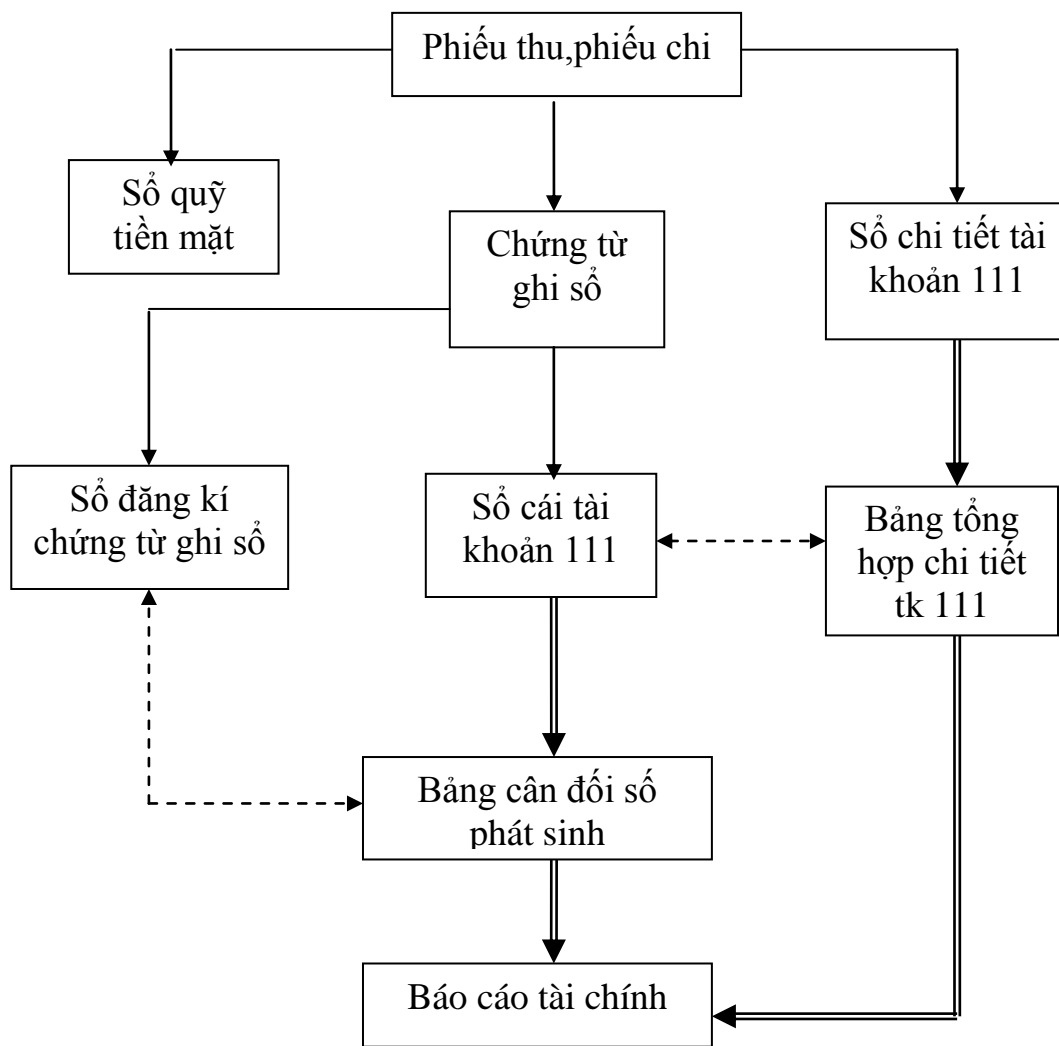
Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

** Sổ sách sử dụng:*

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái tài khoản 111

2.2.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại công ty:

Sơ đồ 2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ tiền mặt tại quỹ



- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày các phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có, giấy báo nợ, uỷ nhiệm chi được kế toán vào chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết TK 111. Cuối ngày, kế toán đối chiếu số liệu trên sổ quỹ tiền mặt và sổ chi tiết TK 111.

- Sau đó từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

- Cuối tháng, căn cứ vào chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ cái TK 111.

2.2.1.3. Một số nghiệp vụ chi tiền mặt tại công ty:*** Kế toán giảm tiền mặt tại quỹ:**

VD1: Ngày 04 tháng 5 năm 2010 chi tiền mua hàng về nhập kho.

- Căn cứ hoá đơn GTGT số 0006893 (Biểu 2.1), kế toán lập phiếu nhập kho (Biểu 2.2), phiếu chi (Biểu 2.3), vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.4).

- Từ phiếu chi vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.18); từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.19); vào sổ cái tài khoản 111 (Biểu 2.20)

Biểu 2.1

HÓA ĐƠN

Mẫu số :01 GTKT- 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

MU/2010B

Liên 2 : Giao cho khách hàng

0006893

Ngày 04 tháng 05 năm 2010

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH HOÀNG OÁNH**

Địa chỉ :378A Trường Chinh – Kiến An- HP

Số tài khoản :.....

Điện thoại :.....MST:

0	2
---	---

0	0	4	2	3	7	3
---	---	---	---	---	---	---

2			
---	--	--	--

Họ tên người mua hàng :.....

Tên đơn vị : **Công ty TNHH xây dựng và thương mại Đại Hợp**

Địa chỉ : 137 An Đà – Hải Phòng

Số tài khoản :.....

Hình thức thanh toán :... **TM**...MST

0	2
---	---

0	0	4	0	9	2	0
---	---	---	---	---	---	---

9			
---	--	--	--

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy hút dịch bóp tay	Cái	01	500 000	500 000
Cộng tiền hàng :					500 000
Thuế suất GTGT : 5% Tiền thuế GTGT :					25 000
Tổng cộng tiền thanh toán :					525 000

Số tiền viết bằng chữ : *Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng ./.*

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.2

CÔNG TY TNHH TM &XD ĐẠI HỢP

Mẫu số : 01- VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 04 Tháng 5 Năm 2010

Nợ :156,133

Số : 40

có :111

-Họ và tên người giao :Phạm Xuân Phương

-Theo hóa đơn số 0006893 ngày 04 tháng 05 năm 2010 của công ty TNHH Hoàng ánh

-Nhập tại : Kho công trình Hòa Phát – Hải Dương

S T T	Tên vật tư hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo Chứng từ	Thực tế		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Máy hút dịch bóp tay		Cái	1	1	500 000	500 000
 							
	Cộng(chưa VAT)						500 000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Năm trăm nghìn đồng chẵn ./.

-Số chứng từ gốc kèm theo :.....

Ngày 04 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

Người giao hàng

Thủ kho

Người lập phiếu

Biểu 2.3

CÔNG TY TNHH TM & XD ĐẠI HỢP
Số 137 An Đà- Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 02- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 04 tháng 05 năm 2010

số : 45

Nợ 156 : 500 000

Nợ 133 : 25 000

Có 111: 525 000

Họ tên người nhận tiền : **Phạm Xuân Phương**

Địa chỉ : chỉ huy công trường Hòa Phát

Lý do chi : Thanh toán tiền mua dụng cụ y tế phục vụ công trường

Số tiền : **525 000 VNĐ**

Bằng chữ : **Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn ./.**

Kem theo : 02 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền (Viết bằng chữ) : Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn ./.

Ngày 04 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
<i>(ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu 2.4

Đơn vị : Công ty TNHH TM và XD Đại Hợp
 Địa chỉ : 137 –An Đà –Ngô Quyền–Hải Phòng

Mẫu số : S02a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QBTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 78

Ngày 04 tháng 5 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua hàng	156	111	500 000	
Thuế GTGT đầu vào	133	111	25 000	
Cộng			525 000	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập
 (Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Chữ ký, họ tên)

VD2: Ngày 05 tháng 5 năm 2010 thanh toán tiền lương tháng 4 cho công nhân viên 32.000.000đ. Căn cứ vào bảng thanh toán lương -> Kế toán lập phiếu chi (Biểu 2.5), vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.6).

- Từ phiếu chi vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.18); từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.19); vào sổ cái tài khoản 111 (Biểu 2.20)

Biểu 2.5

CÔNG TY TNHH TM & XD ĐẠI HỢP
Số 137 An Đà- Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 02- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: 46

Ngày 05 tháng 5 năm 2010

Nợ 334 : 32 000 000
Có 111 : 32 000 000

Họ tên người nhận tiền :

Địa chỉ : Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp

Lý do chi : Thanh toán tiền lương tháng 4

Số tiền : **32 000 000 đồng**

Bằng chữ : **Ba mươi hai triệu đồng chẵn ./.**

Kèm theo : 02 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền (Viết bằng chữ) : Ba mươi hai triệu đồng chẵn ./.

Ngày 05 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
<i>(ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu 2.6

Đơn vị : Công ty TNHH TM và XD Đại Hợp
 Địa chỉ : 137 –An Đà –Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số : S02a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QBTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 79

Ngày 05 tháng 5 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thanh toán lương tháng 4	334	111	32 000 000	
Cộng			32 000 000	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập
 (Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Chữ ký, họ tên)

VD3: Ngày 06 tháng 5 năm 2010 anh Nguyễn Minh Thành ở phòng kinh doanh mua mực máy photocopy. Khi anh Thành đem hoá đơn GTGT về nộp cho phòng kế toán và làm giấy đề nghị thanh toán, khi đó kế toán sẽ viết phiếu chi.

- Căn cứ hoá đơn GTGT số 0043742 (Biểu 2.7) và giấy đề nghị thanh toán (Biểu 2.8) kế toán sẽ lập phiếu chi (Biểu số 2.9), vào chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.10)

- Từ phiếu chi vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.18); từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.19); vào sổ cái tài khoản 111 (Biểu 2.20)

HÓA ĐƠN

Mẫu số :01 GTKT- 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

KL/2010B

Liên 2 : Giao cho khách hàng

0043742

Ngày 06 tháng 05 năm 2010

Đơn vị bán hàng: **LƯU THỊ GOÒNG**

Địa chỉ :Cát Bi – Hải An –Hải Phòng

Số tài khoản :.....

Điện thoại :.....MST:

0	2	0	0	4	0	9	2	0	9				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Họ tên người mua hàng :.....

Tên đơn vị : **Công ty TNHH xây dựng và thương mại Đại Hợp**

Địa chỉ : 137 An Đà – Hải Phòng

Số tài khoản :.....

Hình thức thanh toán :... **TM**...MST

0	2	0	0	4	0	9	2	0	9				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Mực in	Túi	01	785 000	785 000
Cộng tiền hàng :					785 000

Thuế suất GTGT : **10%** Tiền thuế GTGT : 78 500

Tổng cộng tiền thanh toán : 863 500

Số tiền viết bằng chữ : *Tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng ./.*

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.8

Đơn vị: Cty TNHH TM & XD Đại Hợp

Mẫu số: 05 TT

Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC. Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 06 tháng 05 năm 2010

Kính gửi : Ông giám đốc công ty

Họ và tên người đề nghị thanh toán : NGUYỄN MINH THÀNH

Bộ phận: Phòng kinh doanh

Nội dung thanh toán : Tiền mua mực máy photo

Số tiền : 863 500 đồng (Viết bằng chữ) : *Tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng chẵn.*

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người đề nghị thanh toán

(ký, họ tên)

kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người duyệt

(Đóng dấu, ký, họ tên)

Biểu 2.9

CÔNG TY TNHH TM & XD ĐẠI HỢP

Mẫu số 02- TT

Số 137 An Đà- Ngô Quyền-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: 47

Ngày 06 tháng 05 năm 2010

Nợ 642 : 785 000

Nợ 133 : 78 500

Có 111: 863 500

Họ tên người lĩnh tiền: **Nguyễn Minh Thành**

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Lý do chi: Mua mực máy photo

Số tiền: 863 500 (Viết bằng chữ) *Tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng*

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền

Ngày 06 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
<i>(ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu 2.10

Đơn vị : Công ty TNHH TM và XD Đại Hợp
 Địa chỉ : 137 –An Đà –Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số : S02a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QBTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 80

Ngày 06 tháng 5 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua mực máy photocopy	642	111	785 000	
Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	78 500	
Cộng			863 500	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập
 (Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Chữ ký, họ tên)

*** Kế toán tăng tiền mặt tại quỹ:**

VD4: Ngày 10 tháng 5 năm 2010 công ty TNHH TM & XD Đại Hợp bán switch PCI TP Link N3536D cho công ty TNHH TM & DV Kỹ Thuật Thuận Phát, thanh toán bằng tiền mặt.

- Căn cứ hoá đơn GTGT Số 0028356 (Biểu 2.11), kế toán lập phiếu xuất kho (Biểu 2.12), phiếu thu (Biểu 2.13), vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.14).

- Từ phiếu thu vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.18); từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.19); vào sổ cái tài khoản 111 (Biểu 2.20)

Biểu 2.11

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ
Ngày 10 tháng 05 năm 2010

Mẫu số: 01/GTKT – 3LL
KG/2010B
0028356

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp**

Địa chỉ: **137-An Đà- Ngô Quyền – Hải Phòng**

MST: 0200409209

Điện thoại:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty TNHH TM & DV kỹ thuật Thuận Phát**

Địa chỉ: **số 9/1230 Trần Nhân Tông – Kiến An- Hải Phòng**

Hình thức thanh toán: TM MST:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
1	Switch PCI TP Link N3536D	CÁI	01	249 409	249 409
Cộng tiền hàng					249 409
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			24 941
Tổng cộng tiền thanh toán					274 350
Số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm bảy mươi tư nghìn ba trăm năm mươi đồng.					

Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu, ghi rõ, họ tên)

Biểu 2.12

Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp
137 An Đà - Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số : 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 05 năm 2010

Số : 42

Nợ 111

Có 511,3331

- Họ và tên người nhận hàng : Cty TNHH TM & DV KT Thuận Phát
- Lý do xuất : Xuất bán hàng
- Xuất tại kho : Hàng hóa

ST T	Tên vật tư,hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Switch PCI TP Link N3536D		CÁI	1	1	249 409	249 409
CỘNG							249 409

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Hai trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm linh chín./.

Ngày 10 tháng 05 năm 2010

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.13

Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp
Số 137, An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006)

PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 05 năm 2010

Số 44

Nợ 111 : 274 350

Có 511 : 249 409

Có 3331 : 24 941

Họ và tên người nộp tiền : Nguyễn Thị Hương
Địa chỉ : Phòng kế toán
Lý do nộp : Thu tiền công ty Thuận Phát : bán Switch TPlink
N3536D
Số tiền : 274 350 VNĐ
Bằng chữ : Hai trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi nghìn đồng ./.
Kem theo : 02 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị (ký tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Người nộp tiền (ký, họ tên)
------------------------------------------------	---------------------------------------	----------------------------------------	--------------------------------	---------------------------------------

Biểu 2.14

Đơn vị : Công ty TNHH TM và XD Đại Hợp
 Địa chỉ : 137 –An Đà –Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số : S02a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QBTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 84

Ngày 10 tháng 5 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền hàng	111	511	249 409	
Thuế GTGT phải nộp	111	3331	24 941	
Cộng			274 350	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập
 (Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Chữ ký, họ tên)

VD5: Ngày 11 tháng 05 năm 2010 công ty thu tiền bơm nước xử lý bờ - cty Nam kwang

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT 0005679 (Biểu 2.15) kế toán lập phiếu thu (Biểu 2.16), vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.17)

- Từ phiếu thu vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.18); từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.19); vào sổ cái tài khoản 111 (Biểu 2.20)

Biểu 2.15

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 11 tháng 05 năm 2010

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL

KG/2010B

0005679

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp**

Địa chỉ: **Số 137-An Đà – Ngô Quyền – Hải Phòng**

MST : 0200409209

Điện thoại:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Cty TNHH Kỹ thuật & Nam kwang-VP điều hành d/a gói thầu ex-10

Địa chỉ: Tầng 3-cty Sao Đỏ-Km1+400 Phạm Văn Đồng-Dương Kinh-HP

Hình thức thanh toán: **TM** MST:

0	2	0	0	9	8	9	7	1	1				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Stt	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bơm nước, xử lý bờ	VNĐ			17 420 000
Cộng tiền hàng					17 420 000
Thuế suất GTGT : 10 % Tiền thuế GTGT:					1 742 000
Tổng cộng tiền thanh toán :					19 162 000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Mười chín triệu ,một trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn ./.</i>					

Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.16

Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp
Số 137, An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006)

PHIẾU THU

Ngày 11 tháng 05 năm 2010

Số 45

Nợ 111 : 19 162 000

Có 511 : 17 420 000

Có 3331 : 1 742 000

Họ và tên người nộp tiền : Cao Minh Nhật
Địa chỉ : Phòng kế toán
Lý do nộp : Thu tiền bom , nước xử lý bờ - cty Namkwang

Số tiền : 19 162 000 VNĐ
Bằng chữ : Mười chín triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn./.
Kem theo : chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị (ký tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Người nộp tiền (ký, họ tên)
------------------------------------------------	---------------------------------------	----------------------------------------	--------------------------------	---------------------------------------

Biểu 2.17

Đơn vị : Công ty TNHH TM và XD Đại Hợp
 Địa chỉ : 137 –An Đà –Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số : S02a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QBTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 85

Ngày 11 tháng 5 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền bơm nước,xử lý bờ	111	511	17 420 000	
Thuế GTGT phải nộp	111	3331	1 742 000	
Cộng			19 162 000	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập
 (Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Chữ ký, họ tên)

Biểu 2.18

Đơn vị: **Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp**
 Địa chỉ: Số 137 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Trích tháng 5 năm 2010

Ngày tháng	SH chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
			Dư đầu kỳ			<u>40 523 140</u>
			Số phát sinh			
01/05	PT40		Thu tiền hàng	3 750 000		44 273 140
02/05	PT41		Thu tiền hàng	5 809 000		50 082 140
03/05		PC44	Chi mua xăng		3000.000	47 082 140
04/05		PC45	Thanh toán tiền mua dụng cụ y tế		525 000	46 557 140
05/05		PC46	Thanh toán lương tháng 4		32 000 000	14 557 140
06/05		PC 47	Chi mua mực máy photo		863 500	13 693 640
07/05	PT 42		Thu tiền hàng	979 000		14 672 640
08/05	PT43		Thu tiền nợ	6 930 000		21 602 640
09/05		PC48	Trả tiền mua cont 20' GP		6 545 455	15 057 185
10/05	PT44		Thu tiền cty Thuận Phát	274 350		15 331 535
11/05	PT45		Thu tiền bơm nước, xử lý bờ	19 162 000		34 493 535
...		
31/05	PT58		Rút TGNH nhập quỹ	20 000 000		35 186 850
			Cộng số phát sinh	125 450 210	130 786 500	
			Số dư cuối kỳ			<u>35 186 850</u>

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.19

Đơn vị : Cty TNHH TM & XD Đại Hợp
 Địa chỉ : 137, An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02a – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
 BTC ,Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
 BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Trích tháng 5 năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
...
78	04/05	Thanh toán tiền mua dụng cụ y tế	525 000
79	05/05	Thanh toán lương tháng 4	32 000 000
80	06/05	Mua mực máy photocopy	863 500
...
84	10/05	Thu tiền cty Thuận Phát	274 350
85	11/05	Thu tiền bơm nước ,xử lý bờ	19 162 000
...	
		Cộng	...

Lập ngày 31 tháng 5 năm 2010

Người lập
 (Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Chữ ký, họ tên)

Biểu 2.20

Cty TNHH TM & XD Đại Hợp
137.An Đà,Ngô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số :S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ CÁI TK 111

Tên tài khoản: Tiền mặt

Trích tháng 05 năm 2010

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		40 523 140	
			Số phát sinh trong kỳ			
			
04/05	78	04/05	Thanh toán tiền mua hàng	156 133		500 000 25 000
05/05	79	05/05	Thanh toán lương tháng 4	334		32 000 000
06/05	80	06/05	Mua mực máy photocopy	642 133		785 000 78 500

10/05	84	10/05	Thu tiền cty thuận phát	511 3331	249 409 24 941	
11/05	85	11/05	Thu tiền bơm nước,xử lý bờ	511 3331	17 420 000 1 742 000	
		
			Cộng số phát sinh trong kỳ		125 450 210	130 786 500
			Số dư cuối kỳ		35 186 850	

Lập ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty:

Theo quy định tất cả các khoản tiền nhàn rỗi của doanh nghiệp đều phải gửi vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hay các công ty tài chính. Khi cần chi tiêu doanh nghiệp làm thủ tục rút tiền hay chuyển tiền. Việc hạch toán tiền gửi Ngân hàng phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi Ngân hàng.

Tại Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp, kế toán tiền gửi Ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Các nghiệp vụ tiền gửi Ngân hàng của công ty đều căn cứ vào các chứng từ như: giấy báo nợ, lệnh chuyển có hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo chứng từ gốc như ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản...

Khi nhận được giấy báo của Ngân hàng, kế toán tiền gửi Ngân hàng phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch thì phải báo với Ngân hàng để kịp thời đối chiếu và xác minh. Sau khi đã đối chiếu hợp lý, kế toán căn cứ vào giấy báo nợ, lệnh chuyển có của Ngân hàng để ghi sổ chi tiết tài khoản tiền gửi và lập Báo cáo thu chi tiền gửi Ngân hàng.

2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán:

Công ty sử dụng những chứng từ như: giấy báo nợ, lệnh chuyển có, lệnh chi, các bản sao kê của Ngân hàng, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, giấy nộp tiền...

Trong đó:

- Ủy nhiệm chi do kế toán Ngân hàng lập sau đó giao lại cho đơn vị kế toán cùng chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu nhập. Ủy nhiệm chi được lập thành 4 liên:

- + Liên 1: Giao cho đơn vị mua hàng
- + Liên 2: Giao cho Ngân hàng đơn vị mua hàng giữ
- + Liên 3: Giao cho đơn vị bán hàng
- + Liên 4: Chuyển cho Ngân hàng đơn vị bán hàng giữ

- Bản sao kê chi tiết là bản thông báo chi tiết về tiền gửi hàng ngày tại Ngân hàng của doanh nghiệp.

- Giấy báo nợ: Là thông báo của Ngân hàng ghi giảm tài khoản tiền gửi
- Lệnh chuyển có: Là thông báo của Ngân hàng ghi tăng tài khoản tiền gửi.

Để hạch toán tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” (chi tiết TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam). Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

2.2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty:

Hiện nay công ty đang mở tài khoản tại Ngân hàng công thương Việt Nam chi nhánh tại Hải Phòng.

VD6: Ngày 05 tháng 9 năm 2010 công ty nộp tiền vào ngân hàng công thương số tiền 100.000.000 đồng.

- Căn cứ vào lệnh gửi tiền của giám đốc, kế toán viết phiếu chi (Biểu 2.21)
- Căn cứ vào giấy nộp tiền kiêm uỷ nhiệm chuyển tiền (Biểu 2.22), ngân hàng gửi bản sao kê tài khoản chi tiết (Biểu 2.23) và giấy báo có đến công ty (Biểu 2.24).
- Kế toán vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.25)
- Từ sao kê tài khoản chi tiết, giấy báo có, kế toán vào sổ chi tiết TK 112 (Biểu 2.32).
- Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.33), cuối tháng kế toán lập sổ cái TK112 (Biểu 2.34).

Biểu 2.21

CÔNG TY TNHH TM & XD ĐẠI HỢP

Mẫu số 02- TT

Số 137 An Đà- Ngô Quyền-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: 112

Ngày 05 tháng 09 năm 2010

Nợ 1121 : 100 000 000

Có 1111: 100 000 000

Họ tên người lĩnh tiền: Cao Minh Nhật

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi: Gửi vào ngân hàng

Số tiền: 100.000.000 đ (Viết bằng chữ) *Một trăm triệu đồng chẵn.*

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền_____

Ngày 03 tháng 9 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
<i>(ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu 2.22

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Giấy nộp tiền kiêm uỷ nhiệm chuyển tiền

Cash Deposit Slip & Remittance Mandate

Số No..... Ngày Date 05 / 09 / 2010

Liên 2 Copy 2

Họ, tên người nộp Deposited By Cao Minh Nhật

ĐT Tel.....

Địa chỉ Address Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp

Số tiền bằng chữ Amount in words

Một trăm triệu đồng chẵn ./.

Số tiền bằng số Amount in figure
100 000 000 VND

Họ, tên người hưởng Beneficiary full name Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp

Số CMT/HC Id/pp No..... Ngày Issue dated..... Nơi cấp Place.....

Địa chỉ Address Số 137 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tại ngân hàng With Bank Công thương HP

Tài khoản có Credit A/c No 10201000022320

Nội dung Remarks Nộp tiền vào tài khoản

Người nộp

Thủ quỹ

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Deposited by

Cashier

Teller

Supervisor

Biểu 2.23

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

VIETINBANK

SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT

Statement of account

Trang/ Page 2

Từ ngày/ From date 05/09/2010 đến ngày/ To date 05/09/2010

Số tài khoản/ Account No: 10201000022320

Tiền tệ/ Currency: VND

Tên TK/ Account name: Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp **Ngày phát sinh/ Previoid:**

SDDK/ Beginning Balance:

SDCK/ Ending Balance:

Ngày phát sinh	Số chứng từ	Nội dung giao dịch
<i>Transaction</i>	<i>Document No</i>	<i>Description</i>
05/09/2010		Nộp tiền vào tài khoản

Doanh số phát sinh (Transted Amount)

Nợ (Debit)	Có (Amount)
	100 000 000

Giao dịch viên

Teller

Phí NH: 0.00

Kiểm soát viên

Supervisor

T- toán phí: 0.00

Biểu 2.24

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Mã

GDV:

Mã KH:

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 05 tháng 09 năm 2010

Kính gửi: Công ty TNHH TM & XD ĐẠI HỢP

Hôm nay, Chúng tôi xin báo có đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung nh- sau:

Số TK ghi có: 10201000022320

Số tiền bằng số: **100 000 000 VNĐ**

Số tiền bằng chữ: *Một trăm triệu đồng chẵn.*

Nội dung: Nộp tiền vào tài khoản

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.25

Đơn vị : Công ty TNHH TM và XD Đại Hợp
 Địa chỉ : 137 –An Đà –Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số : S02a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QBTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 125

Ngày 05 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Nộp tiền vào ngân hàng	112	111	100 000 000	
Cộng			100 000 000	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập
 (Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Chữ ký, họ tên)

VD7: Ngày 08 tháng 09 năm 2010 trả tiền mua nguyên vật liệu cho công ty CP TM vận tải Bảo Đạt, tổng số tiền bao gồm thuế GTGT 10% bằng chuyển khoản qua ngân hàng công thương.

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0067230(Biểu 2.26), gửi giấy uỷ nhiệm chi đến ngân hàng công thương (Biểu 2.27). Ngân hàng sau khi có lệnh chi tiền (Biểu 2.28) sẽ gửi bản sao kê chi tiết (Biểu số 2.29), giấy báo nợ về công ty (Biểu 2.30).

- Kế toán vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.31).

- Từ sao kê tài khoản chi tiết, giấy báo nợ, kế toán vào sổ chi tiết TK112 (Biểu 2.32).

- Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.33), cuối tháng kế toán lập sổ cái TK112 (Biểu 2.34).

Biểu 2.26

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

LIÊN 3: Nội bộ

Ngày 08 tháng 09 năm 2010

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL

BT/ 2010B

0067230

Đơn vị bán hàng: **Công ty CP TM vận tải Bảo Đạt**
 Địa chỉ : số 376 Trường chinh-Kiến An-Hải Phòng
 Số tài khoản: 0200838222
 Số thuế GTGT:

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: **Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp**
 Địa chỉ: **137-An Đà Ngô Quyền-Hải Phòng**
 Số tài khoản: 10201000022320

Hình thức thanh toán: **CK** MST:

0	2	0	0	4	0	9	2	0	9				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Stt	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch tuylen	viên	30 000	772,727	23 181 810
Cộng tiền hàng					23 181 810
Thuế suất GTGT : 10%				Tiền thuế GTGT:	2 318 181
Tổng cộng tiền thanh toán					25 499 991
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi một đồng./.					

Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.27

ỦY NHIỆM CHI Số: UNC25

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN Lập ngày 08/09/2010

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp. PHẦN DO NH GHI

Số tài khoản: 10201000022320

TÀI KHOẢN NỢ

Tại ngân hàng: NH Công Thương Tỉnh, TP: HP

TÀI KHOẢN CÓ

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty CP TM vận tải Bảo Đạt

Số tài khoản: 102010000212195

Tại ngân hàng: VP Bank

Tỉnh, TP: Hải Phòng

SỐ TIỀN BẰNG SỐ
25 499 991 đồng

Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi một đồng./.

Nội dung thanh toán: Trả tiền mua hàng

Đơn vị trả tiền
Kế toán Chủ tài khoản

Ngân hàng A
Ghi số ngày.....

Ngân hàng B
Ghi số ngày.....

Kế toán Trưởng phòng kế toán

Kế toán Trưởng phòng kế toán

Biểu 2.28

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

LỆNH CHI

Số / No: C550

PAYMENT ORDER

Ngày /Date: 08/09/2010

Tên đơn vị trả tiền / Payer: Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp

Tài khoản nợ / Debit A/C: 10201000022320

Tại ngân hàng / With Bank: Công th- ơng - Hồng Bàng - TP. HP

Số tiền bằng chữ / Amount in words: Hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi một đồng./.

Số tiền bằng số / Amount in figures **25 499 991 VNĐ**

Tên đơn vị nhận tiền / Payee: Công ty cổ phần Thương mại vận tải Bảo Đạt

Tài khoản có / Credit/AC: 102010000212195

Tại ngân hàng / With Bank: Công th- ơng - Thành phố Hải Phòng

Nội dung / Remarks: Trả tiền hàng

Ngày hạch toán / Accounting date.....

Đơn vị trả tiền /

Payer

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Kế toán

Chủ tài khoản

Teller

Supervisor

Accountant

A/c holder

Biểu 2.29

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

VIETINBANK

SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT

Statement of account

Trang/ Page 2

Từ ngày/ From date 08/09/2010 đến ngày/ To date 08/09/2010

Số tài khoản/ Account No: 10201000022320

Tiền tệ/ Currency: VND

Tên TK/ Account name: Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp

Ngày phát sinh/

Previoid:

SDDK/ Beginning Balance:

SDCK/ Ending Balance:

Ngày phát sinh

Số chứng từ

Nội dung giao dịch

Transaction

Document No

Description

08/09/2010

Thanh toán tiền hàng

Doanh số phát sinh (*Transted Amount*)

Nợ (*Debit*)

Có (*Amount*)

25 499 991

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Teller

Phí NH: 0.00

Supervisor

T- toán phí: 0.00

Biểu 2.30

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Mã

GDV:

Mã KH:

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 08 tháng 09 năm 2010

Kính gửi: Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp

Hôm nay, chúng tôi xin báo nợ đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung nh- sau:

Số TK ghi nợ: 10201000022320

Số tiền bằng số: 25 499 991 VND

Số tiền bằng chữ: *Hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi một đồng./.*

Nội dung: Trả tiền hàng theo HĐ0067230

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.31

Đơn vị : Công ty TNHH TM và XD Đại Hợp
 Địa chỉ : 137 –An Đà –Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số : S02a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QBTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 132

Ngày 08 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trả tiền hàng	152	112	23 181 810	
Thuế GTGT đ- ọc khấu trừ	133	112	2 318 181	
Cộng			25 499 991	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập
 (Chữ ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
 (Chữ ký, họ tên)

Biểu 2.32

Đơn vị: Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp

Địa chỉ: Số 137, An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK112

Trích tháng 09 năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Dư đầu kỳ				<u>72 500 000</u>	
			Số phát sinh trong kỳ					
.....	
05/09	PC112	05/09	Nộp tiền vào ngân hàng	111	100 000 000		172 500 000	
08/09	HĐ 0067230	10/10	Mua NVL Thuế GTGT khấu trừ	152 133		23 181 810 2 318 181	147 000 009	
				
			Cộng số phát sinh		212 600 000	190 000 000		
			Số dư cuối kỳ				<u>95 100 000</u>	

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người lập

Kế toán

(Chữ ký, họ tên)

(Chữ ký, họ tên)

Đơn vị :Cty TNHH TM & XD Đại Hợp
 Địa chỉ :137,An Đà,Ngô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: S02a – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
 BTC ,Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
 BTC)

Biểu 2.33

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
...
125	05/09	Nộp tiền vào ngân hàng	100 000 000
...		...	
132	08/09	Trả tiền mua NVL	25 499 991
...		...	
		Cộng	...

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Trích tháng 09 năm 2010

Cty TNHH TM & XD Đại Hợp
137.An Đà,Ngô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số :S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
BTC)

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Kế toán
(Chữ ký, họ tên)

Biểu 2.34

SỔ CÁI TK 112

Trích tháng 09 năm 2010

Tên tài khoản: TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

ĐVT:đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		72 500 000	
			Số phát sinh trong kỳ			
....			
05/09	PC112	05/09	Nộp tiền vào ngân hàng	111	100 000 000	
08/09	HD 0067230	08/09	Mua NVL Thuế GTGT khấu trừ	152 133	23 181 810 2 318 181	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		212 600 000	190 000 000

		Số dư cuối kỳ			95 100 000
--	--	---------------	--	--	-------------------

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Kế toán
(Chữ ký, họ tên)

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH TM & XD ĐẠI HỢP

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH TM & XD Đại Hợp

Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, công ty đã trải qua không ít khó khăn và thách thức để vươn lên tạo chỗ đứng cho mình trên thị trường. Đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay, muốn tồn tại thì phải cạnh tranh lẫn nhau. Nhưng chính những rào cản đó lại là những động lực để công ty nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh của mình, từng bước vươn lên phát triển và khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn thiếu thốn về mọi mặt nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn công ty, kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo công ty.

Công tác quản lý và kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng cũng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ

đặc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của công ty. Bởi chỉ có quản lý tốt thì kinh doanh mới tốt, công tác kế toán tốt thì thông tin kế toán mới đảm bảo được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quản trị nội bộ cũng như làm cơ sở để đưa ra những chiến lược kinh doanh tối ưu.

Chính nhờ sự nỗ lực và học hỏi không ngừng đó khiến cho công ty ngày một làm ăn có hiệu quả, uy tín của công ty ngày được nâng cao, hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và đóng góp một phần vào ngân sách Nhà nước.

Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận thực tế về công tác kế toán, được sự quan tâm giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong công ty và với những kiến thức tiếp thu được ở trường, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Những ưu điểm

* Về công tác quản lý:

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của công ty. Đồng thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả.

Công ty cũng bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động. Trong quá trình kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên.

* Về công tác kế toán:

Trong điều kiện cơ chế quản lý mới, cũng như điều kiện quản lý kinh doanh thực tế của mình, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ và hoàn chỉnh theo mô hình kế toán tập trung. Đây là mô hình mà việc hạch toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho ban giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính để có thể đưa ra những quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời, mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn hoá theo các phân hành kế toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán.

Các phân hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phân hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót. Giúp ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xây dựng được kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Đội ngũ cán bộ và nhân viên kế toán trong công ty có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu các chế định kế toán, có trách nhiệm trong công việc. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao do thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

* Về hình thức sổ kế toán:

Hiện nay, công ty TNHH TM & XD Đại Hợp đang áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ, hình thức này phù hợp với quy mô và điều kiện công tác kế toán tại công ty.

Với việc tổ chức bộ máy kế toán hợp lý và lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của công tác kế toán cũng như công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty. Về điều kiện làm việc, công ty đã đầu tư, trang bị cho bộ phận kế toán những trang thiết bị hiện đại.

* Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền:

Trong công tác hạch toán kế toán tại công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng. Nhờ nhận thức rõ điều này, công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành đã được chi tiết cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Công ty tiến hành quản lý một cách chặt chẽ tiền mặt tại quỹ, thường xuyên kiểm tra tài khoản tại ngân hàng, công tác hạch toán vốn bằng tiền được thông tin kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thu, chi tại quỹ. Vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu quy định của bộ tài chính ban hành.

Đối với tiền gửi Ngân hàng, kế toán liên hệ thường xuyên và có quan hệ tốt với ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng.

3.1.2. Những nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty vẫn tồn tại một số nhược điểm sau:

* Về chứng từ sổ sách kế toán:

Công ty vẫn chưa sử dụng đầy đủ chứng từ sổ sách liên quan đến hạch toán vốn bằng tiền như: bảng kê chi tiền mặt, biên bản kiểm kê quỹ...

* Về việc sử dụng thanh toán qua ngân hàng:

Công ty chưa tận dụng hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi Ngân hàng, đa phần việc thanh toán của công ty là bằng tiền mặt, những nghiệp vụ kinh tế phát sinh thông qua hệ thống tài khoản ngân hàng còn rất ít. Việc thanh toán tiền hàng bằng những khoản tiền mặt lớn sẽ không an toàn cho quỹ tiền mặt và không kinh tế.

*Trong công tác kế toán ,công ty tuy đã sử dụng máy vi tính ,nhưng chỉ đơn thuần ghi nhận các chứng từ kế toán phát sinh trên Excel.Để công việc kế toán có thể được thực hiện một cách nhanh chóng ,chính xác góp phần tiết kiệm thời gian.Công ty nên thực hiện việc cơ giới hóa công tác kế toán bằng cách đưa phần mềm kế toán vào sử dụng trong hệ thống thông tin của mình

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH TM& XD Đại Hợp

Qua thời gian thực tập, căn cứ vào tình hình thực tế công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền của công ty, căn cứ vào những quy định của Nhà nước và Bộ tài chính, đồng thời với sự chỉ bảo, giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn và phòng kế toán công ty em xin có một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

* Về chứng từ và lập bảng kê:

- Công ty nên dùng bảng kê chi tiền mặt (Biểu 3.1) để liệt kê được các khoản tiền đã chi để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán.

Biểu 3.1

Đơn vị:.....

Bộ phận:.....

BẢNG KÊ CHI TIẾN

Ngày...tháng...năm..

Họ tên ng- ời chi:.....

Bộ phận (hoặc địa chỉ):.....

Chi cho công việc:.....

STT	Chứng từ		Nội dung chi	Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		
A	B	C	D	1
			Cộng	

Số tiền bằng chữ:.....

(kèm theo...chứng từ gốc).

Người lập bảng kê

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Trong VD3, anh Nguyễn Minh Thành đề nghị thanh toán tiền mua mực máy photo được ghi vào bảng kê chi tiền như sau :

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & XD Đại Hợp
Địa chỉ: Số 137 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIỀN

Ngày 06 tháng 05 năm 2010

Họ tên người chi: Cao Minh Nhật

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng kế toán

Chi cho công việc: Mua mực máy photocopy

STT	Chứng từ		Nội dung chi	Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		
A	B	C	D	1
	80	06/05	Mua mực in	863 500
			Cộng	863 500

Số tiền bằng chữ: *Tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng./.*

Kèm theo...chứng từ gốc

Người lập bảng kê

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

* Về việc quản lý tiền mặt:

Công ty nên lập thêm bảng kiểm kê quỹ (Biểu 3.2) để xác định số tồn quỹ thực tế và số thừa, thiếu so với số quỹ trên cơ sở đó có biện pháp tăng cường và quản lý quỹ, tránh thất thoát về tiền, đưa ra những biện pháp quản lý quỹ tốt và đạt hiệu quả cao hơn.

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê.

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ và khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa thiếu và phải báo giám đốc doanh nghiệp xem xét giải quyết.

Bảng kiểm kê quỹ được lập thành hai bản: Một bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Biểu 3.2

Đơn vị:.....

Bộ phận:.....

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

- Ông/ Bà:..... Đại diện kế toán
- Ông/ Bà:..... Đại diện thủ quỹ
- Ông/ Bà:..... Đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả nh- sau:

STT	Diễn giải	Số l- ợng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số d- theo sổ quỹ	X	
II	Số kiểm kê thực tế	X	
1	Trong đó: - Loại		
	- Loại		
	- Loại		
	- Loại		
		
III	Chênh lệch (III=I-II)	X	

Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán tr- ởng
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Ng- ời chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ
(ký, họ tên)

*Cùng với sự phát triển càng cao của khoa học công nghệ kỹ thuật,xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới,việc áp dụng công nghệ thông tin vào kế toán là rất cần thiết.

Việc áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào trong công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn.Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên,nâng cao độ tin cậy,độ chính xác của con số trong kế toán.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vì hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán hiện đại,tiện lợi,dễ sử dụng,hiệu quả mà giá cả phải chăng.

Sau đây em xin giới thiệu một số phần mềm kế toán khá phổ biến và uy tín trên thị trường và phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ :Fast accounting,Bravo,Misa.....

+Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2010

MISA SME.NET 2010



Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt, MISA

SME.NET 2010 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP

- Giá:
- 6,950,000.00 đ



Trên đây là một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng mà em mạnh dạn nêu ra, mong rằng đó là những phương hướng đem lại hiệu quả nào đó cho công ty.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vốn bằng tiền đóng vai trò quan trọng không thể phủ nhận được đối với các doanh nghiệp. Vấn đề hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là yêu cầu số một và ngày càng trở nên bức thiết, trong đó công tác kế toán đóng một vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán vốn bằng tiền có tốt thì doanh nghiệp mới quản lý được nguồn vốn của mình và từ đó phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp là một doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ nhưng Ban lãnh đạo công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán vốn bằng tiền và với sự cố gắng của mình, công ty đang từng bước hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua công tác kế toán.

"Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền" là một đề tài rất có ý nghĩa cả về thực tiễn và lý luận. Với sự vận dụng vào tình hình thực tế tại công ty TNHH TM & XD Đại Hợp, em đã trình bày về thực trạng công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty và đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn giáo viên hướng dẫn và các cán bộ công nhân viên công ty TNHH TM & XD Đại Hợp đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này. Em mong nhận được những nhận xét của các thầy cô giáo trong khoa, cũng như của Ban lãnh đạo công ty TNHH TM & XD Đại Hợp để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn và đóng góp một phần nhỏ vào công cuộc thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty TNHH TM & XD Đại Hợp nói riêng và nền kinh tế nước ta nói chung.

**Sinh viên
Phạm Thị Lợi**

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - PGS.TS Nguyễn Văn Công.
- 2) Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới hiện hành – TS. Võ Văn Nhị .
- 3) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán - NXB tài chính.
- 4) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - NXB tài chính .
- 5) Tài liệu, sổ sách kế toán do Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp cung cấp